

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/KDTM-ST

Ngày: 20/11/2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Vĩnh Lâm

2. Ông Hà Minh Tấn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Kim- cán bộ Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank).

Địa chỉ: 89 Láng Hạ, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, số 96 CT, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người được theo ủy quyền: ông Đỗ Thành T- Chức vụ: Phó giám đốc khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ phía Nam, kiêm Phó tổng giám đốc VPBank.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Bùi Thị H. Chức vụ: Chuyên viên tổ tụng-VPBank AMC (theo văn bản ủy quyền số 4876/2019/UQ-PGĐK ngày 18/7/2019).

Địa chỉ: Tầng 2, số 96 CT, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: bà Lê Thị Thúy A, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp Ngọc Ân, xã HTT, huyện T, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Phạm Minh N, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp Ngọc Ân, xã HTT, huyện T, tỉnh Long An.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) bà Bùi Thị H trình bày: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (viết tắt VPBank) và bà Lê Thị Thúy A ký hợp đồng tín dụng ngày 21/6/2017 (Căn cứ giấy đăng ký vay tiêu dùng, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ dịch vụ ngân hàng điện tử), đến ngày 26/6/2017 Ngân hàng giải ngân cho bà A vay qua tài khoản số tiền 42.000.000đồng, mục đích vay kinh doanh, thời hạn vay 15 tháng, lãi suất cố định 42%/năm và trả dần gốc và lãi hàng tháng. Từ ngày hợp đồng tín dụng giải ngân đến ngày 31/8/2017 bà A trả nợ gốc là 1.933.000đồng và trả lãi 1.917.000đồng, tổng cộng 3.850.000đồng. Sau đó bà A không thanh toán tiếp tục số tiền nợ vay, VPBank thông báo nhắc nhở nhiều nhưng bà A không trả. Ngoài ra tại thời điểm vay tiền của VPBank trong hợp đồng tín dụng của bà A ghi là ông Phạm Minh N là chồng hợp pháp của bà A, nên ông N có nghĩa vụ với bà A.

Tại phiên tòa bà H yêu cầu bà A và ông N có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc 40.067.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 27/7/2017 đến ngày 20/11/2019 tiền lãi là 58.277.016đồng, tổng cộng 98.344.061đồng.

Đối với bị đơn bà Lê Thị Thúy A và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Minh N, Tòa án tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án số 90/2019/TB-TLVA ngày 23/7/2019 và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 23/7/2019 lần 01. Tòa án niêm yết thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/9/2019 lần 02, nhưng bà A và ông N vắng mặt không có lý do.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với bà Lê Thị Thúy A và ông Phạm Minh N ngày 15/10/2019, Tòa án niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:57/2019/QĐXXST-DS ngày 04/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số:31/2019/QĐST-DS ngày 25/10/2019 và ấn định thời gian xét xử lại ngày 20/11/2019, nhưng bà A và ông N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Hợp đồng tín dụng số 20170626-0001129 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) với bà Lê Thị Thúy A xác định mục đích kinh doanh nên đây là vụ án kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Ngày 21/6/2017 Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (được viết tắt VPBank) và bà Lê Thị Thúy A ký hợp đồng tín dụng số 20170626-0001129 (Căn cứ giấy đăng ký vay tiêu dùng, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử). Đến ngày 26/6/2017 VPBank giải ngân qua tài khoản cho bà A vay số tiền 42.000.000đồng, thời gian vay là 15 tháng, trả dần lãi và gốc theo định kỳ hàng tháng.

Căn cứ lịch trả nợ ngày 28/6/2017 bà A ký thì đến ngày 01/8/2017 bà A phải trả nợ gốc 1.933.000đồng, là phù hợp lời khai thừa nhận tại phiên tòa của bà H (người đại diện), do đó có cơ sở xác định đến ngày 01/8/2017 bà A trả cho VPBank số tiền nợ gốc là 1.933.000đồng.

Còn đối với khoản tiền gốc còn nợ lại 40.067.000đồng, tại phiên tòa bà H khai nhận đến ngày 31/8/2017 là đợt cuối cùng bà A trả nợ, vì vậy đến ngày 01/9/2017 bà A phải tiếp tục trả nợ, nhưng bà A không thực hiện và phía VPBank có yêu cầu nhiều lần nhưng bà A cố tình tránh mặt. Xét thấy, căn cứ vào lịch trả nợ bà A ký ngày 28/6/2017 và lời khai của bà H ngày 27/7/2017 bà A phải tiếp tục thanh toán cho VPBank số tiền nợ gốc theo lịch trả nợ, nhưng bà A không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank. Mặc khác ngày 20/9/2019 Tòa án niêm yết thông báo thụ lý vụ án và thông báo về việc kiểm tra, công khai chứng cứ, ý kiến và yêu cầu của các đương sự trong vụ án, nhưng bà A không có văn bản hay ý kiến gì về việc VPBank yêu cầu trả tiếp số tiền nợ gốc còn lại cho VPBank. Nên tại phiên tòa bà H yêu cầu bà A có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 40.067.000đồng là có căn cứ.

Về lãi suất cho vay, tại hợp đồng tín dụng số 20170626-0001129 ngày 21/6/2017 giữa VPBank với bà Lê Thị Thúy A thỏa thuận với mức lãi cho vay là 42%/ năm được cố định trong thời hạn vay. Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Như vậy việc thỏa thuận lãi suất giữa VPbank với bà An được ký trong hợp đồng tín dụng là sự thỏa thuận, do đó chấp nhận yêu cầu tính lãi của VPBank.

Đối với số tiền lãi đã trả (thanh toán) theo lịch trả nợ ngày 28/6/2017 bà A đã ký nhận. Tại phiên tòa bà H khai sau khi giải ngân đến ngày 31/8/2017 phía bà A đã trả đợt cuối số tiền lãi 1.917.000đồng, sau đó bà A không tiếp tục trả và kéo dài đến nay. Về phía bà A, ngày 04/9/2019 Tòa án niêm yết thông báo về việc kiểm tra, công khai chứng cứ, ý kiến và yêu cầu của các đương sự trong vụ án, nhưng bà A không có văn bản hay ý kiến gì về việc yêu cầu trả tiền lãi của VPBank, mặc khác bà A vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cho nên chấp nhận lời khai của H là có căn cứ.

Còn việc chậm trả lãi đối với hợp đồng tín dụng số 20170626-0001129 ngày 21/6/2017. Tại phiên tòa bà H khai do bà A vi phạm thời gian trả nợ theo hợp đồng tín dụng và lịch trả nợ đã ký với VPBank, do đó VPBank chuyển nợ quá hạn của bà A theo lãi suất trên nợ gốc quá hạn chưa trả xác định theo thỏa thuận của các bên được ghi nhận tại trang 7 mục VIII Phần xác nhận chấp thuận cho vay của VPBank, do đó VPBank tính lãi suất quá hạn từ ngày 27/7/2017 tính đến ngày 20/11/2019 là 58.277.061đồng, tại bảng chi tiết tính lãi tiền vay quá hạn đến hết ngày 20/11/2019 là lãi quá hạn = dư nợ 150% lãi suất trong hạn x số ngày tính lãi/365 ngày được tính: Từ ngày 27/7/2017 đến ngày 20/11/2019 dư nợ gốc 40.067.000đồng x 150% lãi trong hạn là 750 ngày = 58.277.061đồng tiền lãi.

Tại khoản 1 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất quy định vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng”, và tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi...”. Ngoài ra tại Điều 7 Nghị quyết số:01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của TANDTC quy định: “Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm tính lãi suất”. Mặc khác tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của TANDTC quy định: “Lãi trên nợ gốc, lãi trên nợ gốc quá hạn được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này.” Và tại điểm b khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết quy định: “Trường hợp khách hàng không trả đúng tiền lãi

trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn”. Như vậy đến ngày 27/7/2017 bà A không trả lãi theo lịch trả nợ của kỳ trả gốc và lãi tiếp theo là vi phạm hợp đồng tín dụng với VPBank, cho nên VPBank chuyển nợ sang nợ quá hạn để áp dụng lãi trên nợ gốc quá hạn yêu cầu bà A trả 58.277.061đồng là có cơ sở.

Còn đối với ông Phạm Minh N, Tòa án niêm yết thông báo về việc kiểm tra, công khai chứng cứ, ý kiến, yêu cầu của các đương sự trong vụ án ngày 20/9/2019, nhưng ông N không ý kiến gì và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào sổ hộ khẩu số 200012513 được cấp ngày 10/10/2016 về mối quan hệ bà Lê Thị Thúy A là vợ ông N. Mặc khác căn cứ hợp đồng tín dụng số 20170626-001129 ngày 21/6/2017, trang 3 mục II thông tin gia đình: họ và tên đầy đủ vợ/chồng (nếu có) ông Phạm Minh N và trong thời gian bà A vay tiền VPBank thì bà A và ông N còn tồn tại hôn nhân. Nên có cơ sở xác định ông N là chồng hợp pháp bà A, tại phiên tòa VPBank yêu cầu ông N có nghĩa vụ liên đới trả nợ VPBank là phù hợp.

Với nhận định trên, Hội đồng xét xử buộc bà Lê Thị Thúy A và ông Phạm Minh N có nghĩa vụ trả VPBank khoản tiền gốc 40.067.000đồng và khoản tiền lãi 58.277.061đồng, tổng cộng 02 khoản là 98.344.061đồng.

[3]. *Về án phí sơ thẩm*: bà A, ông N có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí sơ thẩm; VPBank không phải chịu án phí sơ thẩm nên được hoàn trả lại theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, 40, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 7, 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Áp dụng khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank).

Buộc bà Lê Thị Thúy A và ông Phạm Minh N có nghĩa vụ liên đới trả Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng VPBank 02 khoản tiền gốc và

lãi là 98.344.061đồng(*Chín mươi tám triệu ba trăm bốn mươi bốn ngàn không trăm sáu mươi một đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà A, ông N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà A và ông N phải chịu 4.917.204đồng tiền án phí sơ thẩm; VPBank không phải chịu án phí sơ thẩm, nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.036.745đồng theo biên lai thu số 0004120 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà A, ông N vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoàng

